

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
**QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN
RỪNG VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 69 /VNFF-BĐH

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2017

V/v cập nhật dữ liệu DVMTR và thực
hiện chế độ báo cáo của Quỹ BV&PTR

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại văn bản số 179/TB-VPCP ngày 04/04/2017 của Văn phòng chính phủ và để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, thống nhất, công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (Quỹ Trung ương) đề nghị Quỹ Bảo vệ và Phát triển các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Quỹ tỉnh) triển khai một số nội dung sau:

1. Khẩn trương hoàn thành việc cập nhật dữ liệu chi trả DVMTR năm 2016 và duy trì thường xuyên việc cập nhật dữ liệu đầy đủ, kịp thời các năm tiếp theo lên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo quy định tại Quyết định số 3746/QĐ-BNN-TCLN, ngày 15/9/2015 về Quy chế quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu về chi trả DVMTR;

2. Rà soát và báo cáo tình hình thu nộp và giải ngân tiền trồng rừng thay thế từ khi triển khai đến ngày 10/5/2017 (*phụ lục 01 kèm theo*);

3. Báo cáo về kết quả nghiệm thu, thanh toán tiền chi trả DVMTR năm 2016 (*phụ lục 02 kèm theo*);

4. Thực hiện chế độ báo cáo tháng về tình hình triển khai hoạt động của Quỹ tỉnh (*phụ lục 03 kèm theo*), mẫu báo cáo tháng theo phụ lục 03 thay thế mẫu báo cáo tháng tại văn bản số 33/VNFF-BĐH ngày 4/3/2013 của Quỹ Trung ương

5. Báo cáo tình hình thu nộp, giải ngân tiền trồng rừng thay thế và báo cáo kết quả nghiệm thu, thanh toán tiền chi trả DVMTR năm 2016 đề nghị gửi về Quỹ Trung ương **trước ngày 18/5/2017**, báo cáo tháng đề nghị gửi **vào ngày 19 hàng tháng** theo địa chỉ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam, nhà A5, Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội đồng thời gửi bằng file về địa chỉ email: vanvnff@yahoo.com và buinguyenphuky@gmail.com

Quỹ Trung ương đề nghị Quỹ tỉnh nghiêm túc tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BĐH.



Nguyễn Bá Ngải

Phụ lục 01
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NỘP VÀ GIẢI NGÂN TIỀN TRỒNG RỪNG THAY THẾ

(Kèm theo Công văn số: 64 /ENFF-BĐH ngày 16 /5/2017
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NỘP TIỀN TRỒNG RỪNG THAY THẾ.

Tổng số dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh (Số dự án, diện tích chuyển đổi, số tiền phải nộp và số tiền còn phải nộp), trong đó:

a) Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang xây dựng công trình thủy điện: số dự án, diện tích chuyển đổi, số tiền phải nộp, số tiền đã nộp và số tiền còn phải nộp

b) Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang xây dựng các công trình phục vụ kinh doanh: số dự án, diện tích chuyển đổi, số tiền phải nộp, số tiền đã nộp và số tiền còn phải nộp.

c) Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang xây dựng công trình công cộng (các dự án sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước): số dự án, diện tích chuyển đổi, số tiền phải nộp, số tiền đã nộp và số tiền còn phải nộp

(Chi tiết theo biểu 01 kèm theo)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN VÀ TRỒNG RỪNG THAY THẾ

1. Dự án thực hiện trồng rừng thay thế đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

Trong đó:

a) Dự án phê duyệt năm 2013: Số dự án, diện tích rừng trồng, loại rừng trồng, tổng vốn đầu tư

b) Dự án phê duyệt năm 2014: Số dự án, diện tích rừng trồng, loại rừng trồng, tổng vốn đầu tư

c) Dự án phê duyệt năm 2015: Số dự án, diện tích rừng trồng, loại rừng trồng, tổng vốn đầu tư

d) Dự án phê duyệt năm 2016: Số dự án, diện tích rừng trồng, loại rừng trồng, tổng vốn đầu tư

e) Dự án phê duyệt năm 2017: Số dự án, diện tích rừng trồng, loại rừng trồng, tổng vốn đầu tư

2. Tình hình giải ngân tiền TRTT:

Tổng số tiền Quỹ tình đã giải ngân cho các dự án lũy kế từ khi thực hiện đến ngày 10/5/2017, trong đó:

- a) Giải ngân cho các dự án phê duyệt năm 2013: Số dự án, tổng số tiền
- b) Giải ngân cho các dự án phê duyệt năm 2014: Số dự án, tổng số tiền
- c) Giải ngân cho các dự án phê duyệt năm 2015: Số dự án, tổng số tiền
- d) Giải ngân cho các dự án phê duyệt năm 2016: Số dự án, tổng số tiền
- e) Giải ngân cho các dự án phê duyệt năm 2017: Số dự án, tổng số tiền

(Chi tiết theo biểu 02 kèm theo)

3. Kết quả Trồng rừng thế:

Tổng diện tích rừng đã trồng thay thế đến ngày 10/5/2017, trong đó:

a) Phân theo năm trồng:

- Năm 2013(ha)
- Năm 2014(ha)
- Năm 2015(ha)
- Năm 2016(ha)
- Năm 2017(ha)

b) Phân theo loại rừng trồng

- Rừng phòng hộ (ha)
- Rừng đặc dụng (ha)
- Rừng sản xuất (ha)

(Chi tiết theo biểu 03 kèm theo)

III. TỒN TẠI, KHÓ KHĂN VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Biểu 01: CHI TIẾT TÌNH HÌNH THU NỘP TIỀN TRỒNG RỪNG THAY THẾ ĐẾN 10/5/2017

(Kèm theo báo cáo về tình hình thu nộp và giải ngân tiền trồng rừng thay thế)

STT	Tên Dự án	Tổng diện tích rừng chuyển đổi mục đích (ha)	Đơn giá trồng rừng thay thế phải nộp (đ/ha)	Tổng số tiền phải nộp về Quỹ tỉnh đến 10/5/2017 (đồng)	Tổng số tiền đã nộp về Quỹ tỉnh lũy kế đến 10/5/2017 (đồng)	Số tiền còn phải nộp về Quỹ tỉnh (đồng)	Nguyên nhân chậm nộp tiền
1	2	3	4	5	6	7 = 5-6	8
I	Dự án Thủy điện						
1							
2							
3							
.....							
II	Dự án chuyển sang mục đích kinh doanh						
1							
2							
3							
.....							
III	Dự án chuyển sang mục xây dựng công trình công cộng (dự án sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước)						
1							
2							
3							
.....							
TỔNG CỘNG							

**Biểu 02: CHI TIẾT TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN TIỀN TRỒNG RỪNG THAY THẾ
ĐẾN 10/5/2017**

(Kèm theo báo cáo về tình hình thu nộp và giải ngân tiền trồng rừng thay thế)

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (dự án)	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Dự án thực hiện TRTT đã được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó:			
	Dự án được phê duyệt năm 2013			
	Dự án được phê duyệt năm 2014			
	Dự án được phê duyệt năm 2015			
	Dự án được phê duyệt năm 2016			
	Dự án đã được phê duyệt năm 2017			
2	Các dự án đã được Quỹ tỉnh giải ngân tiền TRTT			
	Dự án được phê duyệt năm 2013			
	Dự án được phê duyệt năm 2014			
	Dự án được phê duyệt năm 2015			
	Dự án được phê duyệt năm 2016			
	Dự án đã được phê duyệt năm 2017			
3	Các dự án Quỹ tỉnh còn phải giải ngân tiền TRTT			
	Dự án được phê duyệt năm 2013			
	Dự án được phê duyệt năm 2014			
	Dự án được phê duyệt năm 2015			
	Dự án được phê duyệt năm 2016			
	Dự án đã được phê duyệt năm 2017			

Ghi chú: Các dự án thực hiện trồng rừng thay thế là các dự án được ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt triển khai trồng rừng từ nguồn tiền TRTT nộp vào Quỹ BV&PTR

Biểu 03: KẾT QUẢ TRỒNG RỪNG THAY THẾ ĐẾN NGÀY 10/5/2017

(Kèm theo báo cáo về tình hình thu nộp và giải ngân tiền trồng rừng thay thế)

STT	Dự án được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện TRTT	Diện tích UBND tỉnh phê duyệt thực hiện trồng(ha)	Diện tích đã trồng (ha)	Diện tích còn phải trồng (ha)
1	2	3	4	5=3-4
1	Dự án được phê duyệt năm 2013			
2	Dự án được phê duyệt năm 2014			
3	Dự án được phê duyệt năm 2015			
4	Dự án được phê duyệt năm 2016			
5	Dự án đã được phê duyệt năm 2017			
	Tổng			

Ghi chú: Các dự án thực hiện trồng rừng thay thế là các dự án được ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt triển khai trồng rừng từ nguồn tiền TRTT nộp vào Quỹ BV&PTR

Phụ lục 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIỆM THU, THANH TOÁN TIỀN CHI TRẢ
DVMTR NĂM 2016

(Kèm theo Công văn số: 69 /VNFF-BĐH ngày 14 /5/2017
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

I. KẾT QUẢ NGHIỆM THU RỪNG CUNG ỨNG DVMTR NĂM 2016

a) Tổng diện tích rừng cung ứng DVMTR theo kế hoạch (ha), trong đó:

- Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng: (ha), diện tích khoán quản lý bảo vệ (ha)
- Công ty Lâm nghiệp: (ha), diện tích khoán quản lý bảo vệ (ha)
- Tổ chức khác: (ha), diện tích khoán quản lý bảo vệ (ha)
- Các hộ gia đình, cộng đồng dân cư, thôn: (ha)
- Ủy ban nhân dân xã: (ha), diện tích khoán quản lý bảo vệ (ha)

b) Tổng diện tích rừng nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán tiền chi trả DVMTR (ha), trong đó:

- Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng: (ha), diện tích khoán quản lý bảo vệ (ha)
- Công ty Lâm nghiệp: (ha), diện tích khoán quản lý bảo vệ (ha)
- Tổ chức khác: (ha), diện tích khoán quản lý bảo vệ (ha)
- Các hộ gia đình, cộng đồng dân cư, thôn: (ha)
- Ủy ban nhân dân xã: (ha), diện tích khoán quản lý bảo vệ (ha)

(Chi tiết theo biểu 01 kèm theo)

c) Nguyên nhân tăng, giảm diện tích rừng cung ứng DVMTR

II. KẾT QUẢ THANH TOÁN TIỀN DVMTR NĂM 2016

a) Kế hoạch chi được UBND tỉnh phê duyệt:

- Chi quản lý của Quỹ: (đồng)
- Chi cho chủ rừng và UBND xã, trong đó:
 - + Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng: (đồng)
 - + Công ty Lâm nghiệp: (đồng)

- + Tổ chức khác: (đồng)
- + Các hộ gia đình, cộng đồng dân cư, thôn: (đồng)
- + Ủy ban nhân dân xã: (đồng)

b) Kết quả thanh toán tiền chi trả DVMTR năm 2016:

- Chi quản lý của Quỹ: (đồng)
- Chi cho chủ rừng và UBND xã, trong đó:
 - + Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng: (đồng)
 - + Công ty Lâm nghiệp: (đồng)
 - + Tổ chức khác: (đồng)
 - + Các hộ gia đình, cộng đồng dân cư, thôn: (đồng)
 - + Ủy ban nhân dân xã: (đồng)

c) Nguyên nhân tăng giảm so với kế hoạch chi

Biểu 01: KẾT QUẢ NGHIỆM THU RỪNG CUNG ỨNG DVMTR NĂM 2016*(Kèm theo báo cáo kết quả nghiệm thu, thanh toán tiền chi trả DVMTR năm 2016)*

STT	Đối tượng	Số lượng	Diện tích rừng (ha)	Diện tích khoán quản lý, bảo vệ (ha)
1	2	3	4	5
1	Kế hoạch cung ứng DVMTR, trong đó:			
	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng			
	Công ty Lâm nghiệp			
	Tổ chức khác			
	Hộ gia đình			x
	Cộng đồng dân cư, thôn			x
	UBND xã			
2	Kết quả nghiệm thu rừng cung ứng DVMTR, trong đó:			
	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng			
	Công ty Lâm nghiệp			
	Tổ chức khác			
	Hộ gia đình			
	Cộng đồng dân cư, thôn			
	UBND xã			

Biểu 02: KẾT QUẢ THANH TOÁN TIỀN CHI TRẢ DVMTR NĂM 2016
(Kèm theo báo cáo kết quả nghiệm thu, thanh toán tiền chi trả DVMTR năm 2016)

STT	Đối tượng	Số tiền (đồng)	Trong đó		Ghi chú
			Chi trong năm 2016	Chi trong năm 2017	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1	Tổng số tiền chi trả theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó:		x	x	
	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng		x	x	
	Công ty Lâm nghiệp		x	x	
	Tổ chức khác		x	x	
	Hộ gia đình		x	x	
	Cộng đồng dân cư, thôn		x	x	
	UBND xã		x	x	
2	Tổng số tiền đã thanh toán theo kết quả nghiệm thu, trong đó:				
	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng				
	Công ty Lâm nghiệp				
	Tổ chức khác				
	Hộ gia đình				
	Cộng đồng dân cư, thôn				
	UBND xã				

Phụ lục 03
BÁO CÁO THÁNG
Tình hình triển khai hoạt động tháng... và nhiệm vụ tháng.... của Quỹ Bảo vệ
và Phát triển rừng tỉnh.....
(Kèm theo Công văn số: 69 /NFF-BĐH ngày 16 /5/2017
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẾN THÁNG/NĂM

1. Thực hiện chính sách chi trả DVMTR:

1.1 Công tác ký kết hợp đồng ủy thác tiền chi trả DVMTR

- Tổng số hợp đồng đã ký đến tháng/năm, trong đó:
- Tổng số hợp đồng còn phải ký:
- + Cơ sở sx Thủy điện: hợp đồng
- + Cơ sở sx Nước sạch: hợp đồng
- + Đơn vị kinh doanh Du lịch: hợp đồng
- + Cơ sở nuôi cá nước lạnh: hợp đồng
- + Cơ sở sx Công nghiệp: hợp đồng

1.2. Tình hình thu nộp tiền DVMTR

a) Kế hoạch thu năm được UBND tỉnh phê duyệt: đồng, trong đó:

- Trung ương điều phối: đồng
- Thu nội tỉnh: đồng, trong đó:
- + Thu từ Cơ sở sx Thủy điện: đồng
- + Thu từ Cơ sở sx Nước sạch: đồng
- + Thu từ Cơ sở sx Kinh doanh Du lịch: đồng
- + Thu từ Cơ sở Nuôi cá nước lạnh: đồng
- + Thu từ Cơ sở sx Công nghiệp: đồng

b) Lũy kế thu từ 01/01/năm đến ngày/tháng/năm: đồng, trong đó:

- Trung ương điều phối: đồng
- Thu nội tỉnh: đồng, trong đó:
- + Thu từ Cơ sở sx Thủy điện: đồng
- + Thu từ Cơ sở sx Nước sạch: đồng

- + Thu từ Cơ sở sx Kinh doanh Du lịch: đồng
- + Thu từ Cơ sở Nuôi cá nước lạnh: đồng
- + Thu từ Cơ sở sx Công nghiệp: đồng

c) Tỷ lệ thu và nguyên nhân tăng giảm so với cùng kỳ năm trước

1.3. Tình hình giải ngân tiền chi trả DVMTR

a) Kế hoạch chi năm được UBND tỉnh phê duyệt: Tổng số tiền, trong đó:

- Chi quản lý: đồng
- Chi dự phòng: đồng
- Chi cho chủ rừng, trong đó: đồng
- + Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng: đồng
- + Công ty Lâm nghiệp: đồng
- + Tổ chức khác: đồng
- + Hộ gia đình, cộng đồng dân cư, thôn
- + UBND xã

b) Kết quả chi đến ngày/tháng/năm:

- Chi quản lý: đồng
- Chi dự phòng: đồng
- Chi cho chủ rừng, trong đó: đồng
- + Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng: đồng
- + Công ty Lâm nghiệp: đồng
- + Tổ chức khác: đồng
- + Hộ gia đình, cộng đồng dân cư, thôn
- + UBND xã

(Chi tiết tình hình thu nộp và giải ngân tiền chi tiết theo biểu 01 kèm theo)

c) Tỷ lệ chi và nguyên nhân tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước

2. Thực hiện thu, chi tiền Trồng rừng thay thế

a) Tổng số tiền đã thu lũy kế đến thời điểm báo cáo: đồng, trong đó:

- Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang xây dựng công trình thủy điện: đồng

- Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang xây dựng các công trình phục vụ kinh doanh: đồng

- Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang xây dựng công trình công cộng: đồng

b) Tổng số tiền đã chi lũy kể đến thời điểm báo cáo: đồng, trong đó:

- Chi cho các dự án trồng rừng: đồng

- Chi hỗ trợ các hộ gia đình trồng rừng sx theo đối tượng NĐ 75: đồng

(Chi tiết tình hình thu chi tiền trồng rừng thay thế theo biểu 02 kèm theo)

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG/NĂM

1. Chính sách chi trả DVMTR

2. Trồng rừng thay thế

3. Nhiệm vụ khác

IV. NHỮNG TỒN TẠI, KHÓ KHĂN

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Biểu 01: TÌNH HÌNH THU CHI TIỀN CHI TRẢ DVMTR NĂM ĐẾN NGÀY/THÁNG/NĂM
(Kèm theo báo cáo tháng của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt (đồng)	Kết quả thực hiện từ đầu năm đến ngày/tháng/năm			Ghi chú
			Số lượng	Số tiền (đồng)	Diện tích rừng (ha)	
1	2	3	4	5	6	7
1	Thu tiền DVMTR					
1.1	Quỹ Trung ương điều phối				x	
1.2	Thu nội tỉnh				x	
	Cơ sở sx Thủy điện				x	
	Cơ sở sx Nước sạch				x	
	Cơ sở kinh doanh Du lịch				x	
	Cơ sở Nuôi cá nước lạnh				x	
	Cơ sở sx Công nghiệp				x	
2	Chi tiền DVMTR				x	
2.1	Chi quản lý		x		x	
2.2	Chi dự phòng		x		x	
2.3	Chi cho chủ rừng					
	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng					
	Công ty Lâm nghiệp					
	Tổ chức khác					
	Hộ gia đình, cộng đồng dân cư, thôn					
	UBND xã					

**Biểu 02: TÌNH HÌNH THU VÀ GIẢI NGÂN TIỀN TRỒNG RỪNG THAY THẾ
ĐẾN NGÀY/THÁNG/NĂM**

(Kèm theo báo cáo tháng của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng)

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Số tiền (đồng)	Diện tích rừng đã trồng (ha)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Tổng số tiền Quỹ tỉnh đã thu lũy kế đến ngày/tháng/năm			
	Dự án Thủy điện			x
	Dự án chuyển sang mục đích kinh doanh			x
	Dự án chuyển sang mục đích công cộng			x
2	Tổng số tiền Quỹ đã giải ngân lũy kế đến ngày/tháng/năm			
	Dự án trồng rừng thay thế			
	Hỗ trợ các hộ gia đình trồng rừng sx theo đối tượng NĐ75			